TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 10/2019/HC-ST
Ngày: 26 - 7 - 2019
V/v Kiện quyết định giải quyết yêu cầu, khiếu nại của Giám đốc Sở X.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Tuấn Đức
Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ân Tình, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2019/TLST-HC ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "*Kiện quyết định giải quyết yêu cầu, khiếu nại của Giám đốc Sở Xây dựng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST - HC ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà T, sinh năm 1952;
Địa chỉ: Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người bị kiện:* Giám đốc Sở x.
Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông T, Chức vụ: Phó Giám đốc Sở X là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/5/2019).
Trụ sở làm việc: Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Ông H, sinh năm 1955;
Địa chỉ: Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ông L, sinh năm 1972;

Bà Th, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L và bà Th: Ông N, Luật sư – Văn phòng Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa: Bà T, ông H có mặt; Giám đốc Sở X, ông T, ông N, ông L, bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nhà số 18 và 18A thành phố Cà Mau trước đây là chung một ngôi nhà do ông Tr xây dựng vào năm 1963, nhà có 02 tầng (trệt và lầu 1). Năm 1975, Nhà nước mượn của ông Tr để bán sách báo, năm 1982 trả lại ông Tr. Năm 1986, ông Tr chuyển nhượng cho bà T ½ ngôi nhà, nay là nhà số 18A, thành phố Cà Mau (viết tắt là nhà 18A). Còn lại ½ là nhà số 18 do ông D làm chủ nay là nhà số 18, thành phố Cà Mau (viết tắt: nhà 18). Ngày 26/12/1989, Sở X cấp Giấy chứng nhận QSH nhà đất số 18A cho bà T. Năm 1996, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp (đổi sổ) Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở cho vợ chồng bà T (bà T và ông H) với diện tích sử dụng 71,28m^2 (trệt và lầu 1), diện tích xây dựng 30,49m^2. Năm 2002, bà T xây thêm lầu 2 theo Giấy phép xây dựng do Sở X cấp ngày 20/12/2002 với diện tích sàn 42,42m^2.

Nhà 18 và 18A liền kề với nhà số 01 – 03 thành phố Cà Mau (viết tắt: nhà 01 – 03) do ông DH và DL xây dựng năm 1965. Năm 1978 toàn bộ gia đình xuất cảnh nên Nhà nước quản lý và giao nhà cho Công ty Vật tư – Tổng hợp sử dụng làm Cửa hàng Vật tư – Tổng hợp (Công ty Xăng dầu Cà Mau). Nhà 01 – 03 có 02 tầng (trệt và lầu 1). Diện tích đất 91,36m^2 nhưng diện tích xây dựng tầng trệt 88,8m^2; diện tích sử dụng 204,96m^2 (trệt và lầu 1). Mặt dưới sàn ban công lầu 1 nhà 18 và 18A cao hơn mặt sàn ban công lầu 1 nhà 01 – 03 là 20cm (BL: 137). Sàn ban công lầu 1 nhà 18A chiếm không gian phần đất tiếp giáp nhà 01 – 03 diện tích 1,84m^2. Sàn ban công lầu 1 nhà 18 chiếm không gian phần đất tiếp giáp nhà 01 – 03 diện tích 0,72m^2. Ngoài ra sàn ban công lầu 1 nhà 18A và sàn ban công lầu 1 nhà 01 – 03 có chồng lấn nhau diện tích 0,175m^2.

Năm 2015, Sở X (viết tắt Sở X) tiến hành các thủ tục xác lập sở hữu toàn dân nhà đất 01 – 03, hộ nhà 18 và 18A đã có ý kiến cho rằng khi xác định ranh giới phải trừ phần đất 2,56m^2 mà ban công nhà 18 và 18A chiếm (BL: 110). Ngày 18/8/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (viết tắt UBND tỉnh) ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND xác lập sở hữu toàn dân đối với nhà đất số 01 – 03 diện tích xây dựng 91,36m^2, diện tích sử dụng nhà theo hiện trạng 204,96m^2.

Ngày 04/4/2016, Công ty Cổ phần dịch vụ đấu giá Cà Mau ra Thông báo số 38/2016/TB-BĐG.CM bán đấu giá nhà đất 01 – 03 với diện tích sử dụng nhà ở 204,96m^2 *(bao gồm diện tích nhà trên đất dưới ban công nhà 18 và 18A, người mua được tài sản có trách nhiệm tự tháo dỡ diện tích nhà trên mà không được bồi thường, hoàn trả bất cứ khoản chi phí nào)*; quyền sử dụng đất 88,8m^2 tại thửa 63 *(diện tích đất thửa 63 là 91,36m^2, trong đó 2,56m^2 đất giữ lại không bán đấu giá, người mua được tài sản bán đấu giá phải chấp hành theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình giải quyết về quyền sử dụng đất với các hộ lân cận)*.

Ngày 31/5/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND phê duyệt kết quả bán đấu giá nhà đất 01 – 03. Người trúng thầu là ông L, diện tích nhà 204,96m^2 và diện tích đất 88,8m^2. Ngày 08/6/2016 bàn giao nhà đất 01 – 03 cho ông Lâm.

Ngày 21/7/2016, UBND thành phố cấp Giấy phép xây dựng cho ông L xây dựng nhà 06 tầng, diện tích xây dựng (tầng 1) 88,8m^2, tổng diện tích sàn (tầng hầm và tầng lững) 606,65m^2. Ngày 28/11/2016, UBND thành phố ra Phụ lục Giấy phép xây dựng số 32/PLGPXD điều chỉnh cho ông L xây dựng nhà 08 tầng và 01 tầng lững, tổng diện tích sàn 712,13m^2. Ông L tiến hành tháo dỡ phần kiến trúc nhà 01 – 03 để xây mới thì xảy ra tranh chấp với bà T về bức tường nhà do ông L tháo dỡ. Bà T cho rằng bức tường nhà và hai cột mà ông L tháo dỡ là của nhà 18, 18A. Quá trình UBND tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với nhà đất 01 – 03 cũng như giai đoạn ông L xây dựng nhà bà T có nhiều đơn yêu cầu đến UBND tỉnh giải quyết (BL: 20), nội dung bà T yêu cầu:

Ông L phải khắc phục ngay việc đập phá làm hư hại cột, tường nhà 18A. Xác định rõ, dứt điểm và trả lời bằng văn bản nguyên do từ đâu lại có 2,56m^2 lấn chiếm không gian trong khi nhà 18 và 18A đã ở ổn định từ năm 1963. Yêu cầu các cơ quan chức năng giải quyết ranh giới đất giữa nhà 18, 18A với nhà 01 – 03. Nhà 01 – 03 xây mới đã lấn chiếm không gian nhà 18A chiều ngang 25cm dài theo nhà.

Ngày 09/10/2017, Giám đốc Sở X ban hành Văn bản số 2596/SXD-TTr về việc trả lời đơn yêu cầu của bà T với nội dung:

- Ban công nhà 18 và 18A tự xây dựng thêm đã chiếm không gian phần đất 2,56m^2; Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở do UBND tỉnh cấp cho vợ chồng bà T năm 1996 không bao gồm diện tích 2,56m^2; diện tích 2,56m^2 nằm phía dưới ban công nhà 18 và 18A mà UBND tỉnh xác lập quyền sở hữu toàn dân nằm ngoài diện tích đất ở của nhà 18 và 18A.

- Đà sàn, vách tường, cột trục D', E' và vách tường, dầm công son tại vị trí cột trục D' chưa tháo dỡ là của nhà 01 – 03.

- Nhà 01 – 03 xây dựng mới không vượt ngoài phạm vi ranh đất (kể cả không gian).

- Phần diện tích tam giác 0,175m^2 sàn ban công chồng lên nhau mà bà T cho rằng nhà 01 – 03 lấn chiếm 25cm dài theo nhà là đã tồn tại trước khi cấp QSH nhà ở và QSD đất ở cho bà T. Nguyên do: Nhà 01 – 03 lấn chiếm hẽm trước nhà 18 và 18A.

Không đồng ý với trả lời của Giám đốc Sở X, bà T khiếu nại, đề nghị: Đình chỉ việc thi công sai trái của ông L, trả lại hiện trạng ban đầu trước thời điểm bán đấu giá nhà đất 01 – 03 và việc xây dựng mới nhà 01 – 03 không đúng nội dung Giấy phép xây dựng, lấn chiếm diện tích sử dụng. Ngày 29/12/2017, Giám đốc Sở X ban hành Quyết định số 480/QĐ-SXD giải quyết khiếu nại của bà T, nội dung: Đà sàn, vách tường, cột trục D', E' và vách tường, dầm công son tại vị trí cột trục D' chưa tháo dỡ là của nhà 01 – 03.

Ngày 04/01/2019, bà T nộp đơn khởi kiện Giám đốc Sở Xây dựng cho rằng: Giám đốc Sở X ban hành Quyết định số 480/QĐ-SXD không đúng trong thời hạn Luật Khiếu nại quy định; Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh thì Sở X có trách nhiệm tham mưu, báo cáo để Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết nhưng Sở X lại thay mặt UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại; Quyết định số 480/QĐ-SXD có nhiều nội dung sai sự thật, gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của bà. Bà yêu cầu Toà án giải quyết Huỷ Quyết định số 480/QĐ-SXD ngày 29/12/2017 và Văn bản số 2596/SXD-TTr ngày 09/10/2017; Trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án ban hành biện pháp khẩn cấp đình chỉ việc thi công xây dựng và đình chỉ việc lập hồ sơ hoàn công tại công trình nhà 01 – 03.

Người bị kiện trình bày: Sở X nhận được nhiều đơn yêu cầu của bà T do UBND tỉnh chuyển đến, Sở X đã ban hành Công văn số 2596/SXD – TTr ngày 09/10/2017 về việc trả lời đơn yêu cầu của bà T. Bà T có đơn khiếu nại, ngày 29/12/2017 Giám đốc Sở X ban hành Quyết định số 480/QĐ-SXD giải quyết khiếu nại lần đầu là căn cứ Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Sở X nhận thấy không có cơ sở để hủy 02 văn bản nêu trên theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng chỉ thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ còn phiên đối thoại không thực hiện được do người bị kiện không tham gia phiên họp đối thoại. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hình chính. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 – Luật tố tụng hành chính, hủy Quyết định số 480/QĐ-SXD ngày 29/12/2017 và Văn bản số 2596/SXD - TTr ngày 09/10/2017 của Giám đốc Sở X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giám đốc Sở X là người bị kiện, ông T là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, ông L và bà Th là người có quyền lợi liên quan, ông N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L và bà Th tất cả những đương sự này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng các đương sự trên không đến. Việc vắng mặt của của các đương sự không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan

theo quy định tại điểm b và d khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Ngày 09/10/2017, Giám đốc Sở X ban hành Văn bản số 2596/SXD-TTr trả lời đơn yêu cầu của bà T. Không đồng ý với nội dung giải quyết của Văn bản số 2596/SXD-TTr, ngày 14/10/2017 bà T có Đơn khiếu nại. Ngày 29/12/2017, Giám đốc Sở X ban hành Quyết định số 480/QĐ – SXD giải quyết khiếu nại của bà T. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ngày 08/01/2018 bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau yêu cầu hủy Quyết định số 480/QĐ-SXD (BL: 32). Ngày 30/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau trả lại đơn khởi kiện, không đồng ý về việc trả lại đơn khởi kiện bà T khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/7/2018, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 49/2018/QĐGQKN – HC chấp nhận khiếu nại của bà T, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận lại đơn khởi kiện và tiến hành thụ lý vụ án. Ngày 28/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận được đơn khởi kiện của T.

Như vậy, bà T nộp đơn khởi kiện Quyết định số 480/QĐ-SXD và Văn bản số 2596/SXD - TTr là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 – Luật Tố tụng hành chính. Quyết định số 480/QĐ-SXD và Văn bản số 2596/SXD - TTr là quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 – Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 32 – Luật Tố tụng hành chính.

[3] Nhà đất 01 – 03 thuộc diện Nhà nước quản lý, năm 2015 Sở X tiến hành các thủ tục xác lập sở hữu toàn dân và các thủ tục để bán đấu giá thì xảy ra tranh chấp phần đất tiếp giáp giữa nhà 18, 18A với nhà 01 – 03. Tại trích biên bản họp ngày 14/7/2015 của Sở X ghi: Đối với nhà 01 – 03, thống nhất xác định diện tích thửa đất để xác lập sở hữu toàn dân là diện tích xây dựng nhà tầng trệt theo hiện trạng (bao gồm 2,56m^2 đất bị ban công nhà 18 và 18A chiếm không gian). Tuy nhiên, bán đấu giá cần loại trừ phần diện tích đất bị chiếm (vì có sự tranh chấp của hộ lân cận) (BL: 110). Như vậy, phần đất tiếp giáp giữa nhà 01 – 03 và nhà 18, 18A có tranh chấp với nhau về phần đất 2,56m^2.

Ngày 11/8/2015, Đoàn kiểm tra, xác minh do Sở X chủ trì đã kiến nghị: Diện tích đất nhà 01 – 03 bán đấu giá theo quy định là 88,80m^2, còn lại Nhà nước quản lý 2,56m^2 đất, phần ban công nhà 18, 18A chiếm không gian 2,56m^2 Nhà nước sẽ thực hiện trình tự, thủ tục giải quyết về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, nhà ở (BL: 114).

Ngày 18/8/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND xác lập sở hữu toàn dân đối với 91,36m^2 trong đó có 2,56m^2. Ngày 31/5/2016, UBND tỉnh ra Quyết định số 64/QĐ-UBND phê duyệt kết quả bán đấu giá nhà đất 01 – 03, người trúng thầu là ông L. Ông L tiến hành tháo dỡ nhà 01 – 03 để xây mới thì

xảy ra tranh chấp với nhà 18A về phần đất chồng lấn 0,175m^2 và cột trục D' và E'. Như vậy, khi ông L tháo dỡ phần kiến trúc nhà 01 – 03 thì tiếp tục xảy ra tranh chấp với bà T về bức tường nhà, cột trục D' và E' và phần đất ban công chồng lấn nhau 0,175m^2.

Ngày 13/02/2017, Sở X có Báo cáo số 303/BC-SXD kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản trả lời yêu cầu của bà T về diện tích 2,56m^2; sàn đà, vách tường, cột trục D' và E', vách tường dầm công son tại ví trí cột trục D'.

Như vậy, những yêu cầu, khiếu nại của bà T liên quan đến nhà 01 – 03 là xuất phát từ tranh chấp về bất động sản giữa nhà 18A với nhà 01 – 03. Tại phiên toà, bà T xác định, kể từ thời điểm Sở X tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân nhà đất 01 – 03 bà đã có nhiều đơn yêu cầu gửi đến Sở X, UBND tỉnh, HĐND tỉnh yêu cầu giải quyết 2,56m^2 đất dưới ban công (công son) nhà 18A. Khi ông Lâm tháo dỡ nhà 01 – 03 thì tiếp tục xảy ra tranh chấp với bà về bức tường nhà, cột trục D' và E'. Do đó, những yêu cầu khiếu nại của bà T là những yêu cầu giải quyết về tranh chấp bất động sản giữa nhà 18A với nhà 01 – 03, những tranh chấp này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X.

Mặc khác, ngày 10/4/2017, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định số 658/QĐ-UBND thành lập Tổ công tác liên ngành, Tổ có nhiệm vụ kiểm tra, đo đạc hiện trạng nhà, đất 18A với nhà 01 – 03 nhằm xác định cụ thể phạm vi, ranh giới, diện tích nhà, đất thực tế đang sử dụng báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định. Ngày 26/4/2017, UBND tỉnh có văn bản số 3237/UBND – NNTN gửi Sở X và Tổ công tác 658/QĐ-UBND đề nghị Tổ công tác 658/QĐ-UBND và Sở Xây dựng khẩn trương báo cáo, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trước ngày 29/4/2017 để xem xét quyết định. Do đó, UBND tỉnh cũng không uỷ quyền cho Sở X giải quyết yêu cầu, khiếu nại của bà T.

Đối với Văn bản số 5881/UBND – NNTN ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh, Tòa án thấy rằng: Chủ tịch UBND tỉnh chỉ giao cho Giám đốc Sở X chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Cà Mau và cơ quan đơn vị liên quan rà soát hồ sơ, xác lập các căn cứ, qua đó tổ chức đối thoại với các hộ dân báo cáo, tham mưu đề xuất UBND tỉnh giải pháp giải quyết chứ Chủ tịch UBND tỉnh không giao quyền cho Giám đốc Sở X giải quyết.

Đối với Văn bản số 8230/UBND – NNTN ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh thì ban hành sau khi Giám đốc Sở X ban hành Văn bản số 2596/SXD – TTr nên không thể cho rằng Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Giám đốc Sở X giải quyết yêu cầu của bà T. Đồng thời, nội dung Văn bản số 8230/UBND – NNTN là: Chỉ đạo đôn đốc Giám đốc Sở X giải quyết theo thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật chứ không phải ủy quyền cho Giám đốc Sở X giải quyết yêu cầu khiếu nại của bà T.

Từ những căn cứ trên, xét thấy: Ngày 09/10/2017, Sở x ra Văn bản số 2596/SXD-TTr giải quyết những yêu cầu, khiếu nại của bà T về vấn đề nhà, đất số

18A với nhà đất số 01 – 03 là thực hiện không đúng thẩm quyền giải quyết theo pháp luật quy định.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Văn bản số 2596/SXD – TTr ngày 09/10/2017 và Quyết định số 480/QĐ-SXD ngày 29/12/2017 của Giám đốc Sở X tỉnh Cà Mau có căn cứ pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hủy Văn bản số 2596/SXD – TTr ngày 09/10/2017 và Quyết định số 480/QĐ-SXD ngày 29/12/2017 của Giám đốc Sở X tỉnh Cà Mau, ý kiến này phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà T về việc trong quá trình giải quyết đề nghị Tòa án ban hành biện pháp khẩn cấp đình chỉ việc thi công xây dựng và đình chỉ việc lập hồ sơ hoàn công tại công trình nhà 01 – 03 vì đã vi phạm các quy định về xây dựng.

Thấy rằng, tại Điều 68 Luật tố tụng hành chính quy định về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết vụ án hành chính không có biện pháp đình chỉ mà chỉ có biện pháp tạm đình chỉ, tạm dừng, cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[5] Về án phí: Yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; điểm b và d khoản 2 Điều 157; khoản 3 Điều 158; khoản 1 Điều 348 – Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 1; khoản 8 và 17 Điều 2 – Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT – BXD – BNV của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Điều 1; Điều 2 – Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ – UBND ngày 24/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T;

- Hủy toàn bộ Văn bản số 2596/SXD - TTr ngày 09/10/2017 của Giám đốc Sở X tỉnh Cà Mau về việc trả lời yêu cầu của bà T; Hủy toàn bộ Quyết định số 480/QĐ-SXD ngày 29/12/2017 của Giám đốc Sở X tỉnh Cà Mau về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà T.

- Án phí:

+ Án phí sơ thẩm hành chính Giám đốc Sở X tỉnh Cà Mau phải chịu 300.000 đồng.

+ Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm hành chính; hoàn trả lại bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 00229 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau.

Bà T, ông H có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Giám đốc Sở X tỉnh Cà Mau, ông L, bà Th có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Miễn